TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 769/2023/DS-PT
Ngày: 14 - 11 - 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 510/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5852/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trang Thùy A (có mặt);

Địa chỉ: số 9/54, đường X1, Khóm 4, Phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Đường 31, ấp X2, xã X3, huyện X4, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B (có mặt);

Địa chỉ: số 9/56, đường X1, Khóm 4, Phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Kim D (vắng mặt);

Địa chỉ: số 9/56, đường X1, Khóm 4, Phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Hồ Thị Thu B1 (chết ngày 23/8/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hồ Thị Thu B1:

2.1. Ông Nguyễn Thanh N1 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 107, đường Nguyễn Trung Trực, Khóm 1, Phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Ông Nguyễn Thanh B (có mặt);

Địa chỉ: số 9/56, đường X1, Khóm 4, Phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

2.3. Ông Nguyễn Thanh C (vắng mặt);

Địa chỉ: số 59 Kênh Trường Thọ, Khóm 6, Phường 6, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

3. Chị Nguyễn Ngọc D (vắng mặt);

Địa chỉ: số 9/56, đường X1, Khóm 4, Phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

4. Anh Mã Ngọc K (vắng mặt);

Địa chỉ: số 9/56, đường X1, Khóm 4, Phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

5. Cháu Mã Quốc H, sinh ngày 13/5/2013 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 9/56, đường X1, Khóm 4, Phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Sóc Trăng: Ông Đỗ Xuân N2, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố X (vắng mặt).

Địa chỉ: số 93 đường X5, Phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Trang Thùy A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2020 và trình bày của bà Trang Thùy A tại biên bản ngày 03/3/2022:

Bà nội của bà Trang Thùy A là Nguyễn Thị T (sinh năm 1927) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1963, xã Khánh Hưng (xã Nhăm Lăng cũ), tỉnh Ba Xuyên. Cha bà A là ông Trang Thanh K1 được bà T cho cất nhà từ năm 1979, khi cưới mẹ bà A. Khi đó gia đình ông Nguyễn Thanh B đã mượn của bà nội bà A để xây chuồng nuôi heo, ông bà của bà A đã cho gia đình ông B mượn đất nuôi heo để tăng thêm thu nhập.

Năm 2002, ông bà nội của bà Trang Thùy A qua đời, không để lại di chúc và ông Trang Thanh K1 đã được Ủy ban nhân dân thành phố X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông K1 tặng cho bà A toàn bộ 2 thửa đất cùng tọa lạc tại số 9/54 đường X1, Khóm 4, Phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng, gồm thửa số 737, tờ bản đồ số 31, diện tích 59,7m² và thửa số 189, tờ bản đồ số 31, diện tích 58,4m².

Còn phần đất của ông Nguyễn Thanh B là từ mí đường mương ra trước là của ông, từ mí đường mương hướng ra sau là của bà A. Hiện ông B xây lấn qua đường mương qua phần đất của bà A khoảng 09m² đất.

Bà Trang Thùy A yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh B khôi phục lại đường mương thoát nước và trả lại phần đất đã lấn chiếm của bà A tổng diện tích là 9m² (ngang 3,29m; dài khoảng gần 3m) thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 31, diện tích 58,4m²; vị trí như sau: hướng Bắc giáp ông Lý Thanh Khiết, hướng Nam và hướng Tây giáp đất bà Trang Thùy A, hướng Đông giáp đường mương, sau đường mương là nhà của ông B, trước nhà ông B là Hẻm 9.

2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 643712 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 24/02/2014 cho ông Nguyễn Thanh B và bà Võ Thị Kim D đối với phần diện tích 9m² đã lấn chiếm của bà A.

Theo trình bày của ông Nguyễn Thanh B tại văn bản ngày 09/5/2022 và tại phiên toà:

Năm 1959, cha mẹ ông B là ông Nguyễn Văn I (sinh năm 1927) và bà Hồ Thị Thu B1 (sinh năm 1928) có mua một miếng đất bằng giấy tay (đã thất lạc)

của ông Nguyễn Văn Đ1 để cất nhà ở. Đến năm 1972, cha mẹ ông B xây dựng lại căn nhà tường, mái tôn theo ranh đất đã mua năm 1959. Năm 2003, ông B xây dựng lại căn nhà theo đúng ranh đất cũ. Vào năm 2011, mẹ và anh em ông B là ông Nguyễn Thanh N1 (sinh năm 1959), ông Nguyễn Thanh C đồng ý cho ông B làm chủ sở hữu căn nhà, đất này và ông B được cấp quyền sở hữu nhà, đất vào ngày 24/02/2014.

Đối với mương nước hướng sau, do không được phép sử dụng nữa nên ông B đã lấp lại và các hộ dân trong Hẽm 9, đường X1 đều thoát nước ra đường cống hướng trước nhà do Nhà nước xây dựng. Ông Nguyễn Thanh B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thùy A.

Theo trình bày của Ủy ban nhân dân thành phố X tại các văn bản số 1943/UBND-HC ngày 26-10-2022 và số 391/UBND-HC ngày 05-3-2023:

Phần diện tích 3,6m^2 đất thuộc hành lang mương nằm trong thửa 191, tổng diện tích 49,9m^2, tờ bản đồ số 31 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 643712 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 24/02/2014 cho ông Nguyễn Thanh B và bà Võ Thị Kim D.

Bà Võ Thị Kim D, ông Nguyễn Thanh N1, ông Nguyễn Thanh C, chị Nguyễn Ngọc D, anh Mã Ngọc K, cháu Mã Quốc H: Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các đương sự này không có ý kiến gì trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thùy A về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh B khôi phục lại đường mương thoát nước và trả lại phần đất có diện tích 9m² thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 31, diện tích 58,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 410298 do Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Trang Thùy A ngày 08/6/2015.

(Kèm theo Sơ đồ hiện trạng của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố X)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thùy A về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 643712 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 24/02/2014 cho ông Nguyễn Thanh B và bà Võ Thị Kim D và hủy Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 24/02/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố X,

tỉnh Sóc Trăng về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Thanh B và bà Võ Thị Kim D.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2023, bà Trang Thùy A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Trang Thùy A trình bày vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trang Thùy A muốn nhận lại phần đất tranh chấp, không đồng ý nhận tiền.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh B đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên để ổn định bản án, tự nguyện hỗ trợ cho bà Trang Thùy A số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng về chi phí đi lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thanh B tự nguyện hỗ trợ cho bà Trang Thùy A số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà A, ghi nhận sự tự nguyện của ông B, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Ủy ban nhân dân thành phố X, bà Võ Thị Kim D, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hồ Thị Thu B1 là ông Nguyễn Thanh N1, ông Nguyễn Thanh C, chị Nguyễn Ngọc D, anh Mã Ngọc K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố

tụng dân sự, Toà án tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, bà Trang Thùy A yêu cầu ông Nguyễn Thanh B trả lại phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 31 và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 643712 ngày 24/02/2014 của thửa đất số 191, tờ bản đồ số 31 do Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông B và bà Võ Thị Kim D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[3.1] Về nguồn gốc đất:

Đối với thửa 189, là của ông Trang Thanh K1 (cha ruột của bà A) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 390045 do Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông K1 ngày 06/5/2015. Ngày 13/5/2015, ông K1 tặng cho hết thửa đất lại cho bà Trang Thùy A. Đến ngày 08/6/2015, bà A được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 410298.

Đối với thửa đất số 191, theo Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 24/4/2011 và Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được trích lục tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố X thể hiện, bà Hồ Thị Thu B1 nhận chuyển nhượng phần đất trên của ông Nguyễn Văn Đ1 vào năm 1959, đến năm 1990 thì cho lại ông Nguyễn Thanh B sử dụng. Đến ngày 24/02/2014, ông B và bà Võ Thị Kim D được Ủy ban nhân dân thành phố X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 643712, đất có diện tích 49,9m^2 (loại đất ODT, trong đó có 3,6m^2 thuộc hành lang mương nước).

[3.2] Về quá trình và hiện trạng sử dụng đất:

Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 24/8/2011 và Sơ đồ thửa đất thể hiện trong Giấy chứng nhận số BM 643712 thì thửa đất số 191 có cạnh hướng Tây giáp hành lang mương nước, có số đo: 3,20m.

Theo Sơ đồ hiện trạng ngày 20/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố X nêu trên thể hiện thửa đất số 191 có cạnh hướng Đông giáp thửa đất số 189 của bà Trang Thùy A, có số đo: 3,17m.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và Sơ đồ hiện trạng ngày 20/5/2021 nêu trên thì phần đất tranh chấp có diện tích 3,8m^2; trên đất là một phần căn nhà của ông B, bà D.

Như vậy, diện tích 3,8m^2 đất tranh chấp này tại vị trí mương nước, nằm kế bên thửa đất số 189 của bà Trang Thùy A (ở cạnh hướng Tây) và nằm trong thửa đất số 191 của ông Nguyễn Thanh B, bà Võ Thị Kim D (ở cạnh hướng Đông).

[3.3] Về đăng ký quyền sử dụng đất:

Ủy ban nhân dân thành phố X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 390045 cho ông K1 ngày 06/5/2015 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 410298 cho bà A vào ngày 08/6/2015. Sơ đồ thửa đất thể hiện trong 02 Giấy chứng nhận này là hoàn toàn giống nhau, trong đó có cạnh hướng Đông có chiều dài 7,34m và giáp Cống thoát nước (như đã mô tả tại mục [3.2]).

Tại các văn bản số 1943/UBND-HC ngày 26/10/2022 và số 391/UBND-HC ngày 05/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố X thì phần diện tích đất 3,6m^2 thuộc hành lang mương nằm trong thửa đất số 191, tờ bản đồ số 31 mà ông B, bà D đã được Ủy ban nhân dân thành phố X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 643712 ngày 24/02/2014 (bao gồm cả diện tích 3,8m^2 tranh chấp).

[4] Từ các phân tích như trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc và quá trình sử dụng thuộc về ông Nguyễn Thanh B và bà Võ Thị Kim D; Đồng thời, ông B và bà D đã thực hiện hiện kê khai, đăng ký và được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn khởi kiện nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Do bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả lại quyền sử dụng đất nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 643712, cũng như yêu cầu hủy Quyết định số 603/QĐ-UBND.

[6] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố X (Bút lục số 78-80), tài sản trên đất tranh chấp có: "Một phần nhà số 9/56 đường X1, Khóm 4, Phường 2, thành phố X. Diện tích: (3,15m + 3,05m)/2 x 3m x 3 tầng =27,9m^2. Kết cấu: nền gạch men, cột BTCT, sàn BTCT, vách tường 10, trần thạch cao, đỡ mái sắt, mái tol". Theo "Bảng tính chi tiết" của Hội đồng định giá ngày 05/10/2020, giá đất tranh chấp tại thửa đất số 189, tờ bản đồ số 31, Khóm 4, Phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng là 1.300.000 đồng/m^2 (Bút lục số 84). Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung

cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thanh B tự nguyện hỗ trợ cho bà A số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Do Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn bà Trang Thùy A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trang Thùy A.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn Thanh B hỗ trợ cho nguyên đơn bà Trang Thùy A số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

- Khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 164, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thùy A về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh B khôi phục lại đường mương thoát nước và trả lại phần đất có diện tích 9m² thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 31, diện tích 58,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất số BY 410298 do Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Trang Thùy A ngày 08/6/2015.

(Kèm theo Sơ đồ hiện trạng của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố X)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thùy A về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 643712 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 24/02/2014 cho ông Nguyễn Thanh B và bà Võ Thị Kim D và hủy Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 24/02/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Sóc Trăng về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Thanh B và bà Võ Thị Kim D.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn Thanh B hỗ trợ cho nguyên đơn bà Trang Thùy A số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trang Thùy A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà Trang Thùy A số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp (do ông Trang Thanh K1 nộp thay) theo biên lai thu số 0009964 ngày 27/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Tấn **Trần Thị Thúy Hồng** **Trần Thị Hòa Hiệp**